

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO (tóm tắt)

Về việc xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về xử lý nợ đọng thuế
(Tài liệu trình bày tại phiên họp thứ 32 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)

Ngày 20/12/2018, Chính phủ có Tờ trình số 597/TTr-CP trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, cho ý kiến về dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về xử lý nợ tiền thuế, tiền phạt, tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp của người nộp thuế đã phá sản, giải thể, không còn sản xuất kinh doanh và không còn khả năng nộp ngân sách nhà nước (sau đây gọi chung là nợ đọng thuế). Chính phủ xin báo cáo những nội dung chủ yếu như sau:

I. TÌNH HÌNH NỢ ĐÓNG THUẾ VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Về tình hình nợ đọng thuế

- Thực hiện quy định của Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế, Bộ Tài chính đã tổ chức bộ phận quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế từ Trung ương đến địa phương, cơ quan quản lý thuế đã triển khai đồng bộ, quyết liệt các biện pháp thu hồi nợ đọng thuế.

Theo đó số thu hồi nợ đọng tăng dần qua các năm, năm sau luôn cao hơn năm trước, bình quân từ 2011-2017 thu đạt 81% số nợ có khả năng thu hồi, tốc độ tăng bình quân 16,3%/năm. Tỷ trọng tổng nợ trên tổng thu nội địa đã giảm mạnh từ 12,2% năm 2014, đến năm 2017 giảm xuống ở mức 7,6% và tính đến cuối năm 2018 giảm xuống chỉ còn 7%.

- Tuy nhiên tình hình nợ đọng thuế vẫn còn cao, tổng số tiền thuế nợ tính đến ngày 31/12/2017 là 78.466 tỷ đồng, giảm 2,8% (2.261 tỷ đồng) so với thời điểm ngày 31/12/2016. Trong đó:

(i) Cơ quan Thuế quản lý: là 73.145 tỷ đồng, giảm 2,8% (2.108 tỷ đồng) so với thời điểm 31/12/2016; bằng 7,6% tổng thu nội địa năm 2017, trong đó:

+ Tiền thuế nợ có khả năng thu (đến 90 ngày và trên 90 ngày) là 26.002 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 35,5% tổng số tiền thuế nợ;

+ Tiền phạt vi hành chính về thuế và tiền chậm nộp là 15.674 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 21,4% tổng số tiền thuế nợ.

+ Tiền thuế nợ không còn khả năng thu hồi của người nộp thuế đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự, liên quan đến trách nhiệm hình sự, đã tự giải thể, phá sản, ngừng, nghỉ và bỏ địa chỉ kinh doanh là 31.469 tỷ đồng (tiền thuế nợ gốc là 19.196 tỷ đồng; tiền phạt và tiền chậm nộp là 12.273 tỷ đồng), chiếm tỷ trọng 43% tổng số tiền thuế nợ, bằng 3,2% tổng số thu nội địa năm 2017.

ii) Cơ quan Hải quan quản lý: là 5.320 tỷ đồng, giảm 2,8% (153 tỷ đồng) so với thời điểm 31/12/2016, trong đó:

- + Tiền thuế nợ có khả năng thu là 1.361 tỷ đồng;
- + Tiền thuế nợ không còn khả năng thu hồi là 3.834 tỷ đồng, chiếm 72% tổng nợ của toàn cơ quan Hải quan quản lý, trong đó 43,2% các khoản nợ khó thu phát sinh trước thời điểm Luật quản lý thuế sửa đổi, bổ sung có hiệu lực;
- + Tiền thuế nợ chờ xóa, xét miễn, giảm, gia hạn là 125 tỷ đồng.
- Tình hình trên là do nhiều nguyên nhân khác nhau:
 - + Do có một số người nộp thuế được pháp luật coi là đã chết, mất tích, mất khả năng hành vi dân sự với tổng số tiền thuế nợ là 247,5 tỷ đồng (trong đó tiền phạt và tiền chậm nộp là 99,4 tỷ đồng), chiếm 0,3% tổng số nợ đọng.
 - + Có 14.816 doanh nghiệp tự giải thể nhưng không thực hiện thủ tục giải thể doanh nghiệp theo quy định với số tiền nợ đọng là 1.485 tỷ đồng (trong đó tiền phạt và tiền chậm nộp là 591 tỷ đồng); có 256 doanh nghiệp mất khả năng thanh toán, tự phá sản nhưng không làm thủ tục phá sản theo quy định với số tiền nợ đọng là 688 tỷ đồng (trong đó tiền phạt và tiền chậm nộp là 251 tỷ đồng); có hơn 620.000 người nộp thuế (cả doanh nghiệp, hộ gia đình và cá nhân) không còn hoạt động kinh doanh, bỏ địa chỉ kinh doanh đã đăng ký với cơ quan thuế với số tiền nợ đọng là 21.846 tỷ đồng (trong đó tiền phạt và tiền chậm nộp là 8.190 tỷ đồng).
 - + Có 229 người nộp thuế với số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp là 853 tỷ đồng, trong quá trình sản xuất kinh doanh người nộp thuế bị thiên tai, hoả hoạn, bệnh dịch, tai nạn bất ngờ hoặc trường hợp bất khả kháng khác dẫn đến sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, mặc dù người nộp thuế đã tuân thủ pháp luật, nỗ lực nộp thuế, cơ quan thuế đã thực hiện đầy đủ các biện pháp quản lý thu nợ thuế theo quy định nhưng do gặp bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan ngoài ý muốn, họ vẫn còn nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp, không có khả năng nộp ngân sách nhà nước.
 - + Có 430 người nộp thuế cung ứng hàng hoá, dịch vụ được thanh toán bằng vốn ngân sách nhà nước nhưng chưa được thanh toán nên không có nguồn nộp kịp thời dẫn đến phát sinh tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp là 481 tỷ đồng.
 - + Luật Quản lý thuế quy định tiền chậm nộp là 0,03%/ngày trên số tiền chậm nộp, quy định này là chế tài xử lý cần thiết. Tuy nhiên do người nộp thuế bị coi là chết, mất tích hoặc tự giải thể, phá sản không có khả năng nộp thuế nên số tiền chậm nộp ngày càng tăng qua thời gian; Tổng số tiền chậm nộp trên sổ sách kế toán cơ quan thuế của các đối tượng nêu trên là 10.465 tỷ đồng, song thực tế không có khả năng thu hồi.
 - + Luật Quản lý thuế được xây dựng cách đây 10 năm, đã qua nhiều lần bổ sung, sửa đổi, tuy nhiên các trường hợp xử lý xóa nợ đọng thuế chưa bao quát hết tình hình thực tiễn do nhiều nguyên nhân bất khả kháng cũng như chưa phản ánh thực tiễn công tác quản lý thuế.

2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Từ tình hình trên, để giải quyết toàn diện nợ đọng, Chính phủ thấy cần thiết phải xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về xử lý nợ đọng thuế, xuất phát từ những lý do sau:

- **Một là**, thể chế hóa kịp thời chủ trương, quan điểm của Quốc hội và chính phủ đối với việc quản lý nợ thuế:

Việc xây dựng Nghị quyết của Quốc hội xử lý nợ đọng thuế căn cứ vào Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 25/2016/QH14 ngày 09/11/2016 của Quốc hội; Nghị quyết số 55/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội khóa 14, trong đó giao Chính phủ: “...*sớm báo cáo Quốc hội tổng thể các khoản nợ đọng thuế và phương án xử lý*”. Trên cơ sở đó Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/05/2016 và Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018, trong đó có giải pháp trình Quốc hội xử lý nợ đọng thuế.

Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: “*Quốc hội ban hành Nghị quyết để quy định thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của các luật hiện hành*”. Vì vậy, việc xây dựng Nghị quyết của Quốc hội là có căn cứ pháp lý.

- **Hai là**, xử lý tiền chậm nộp hoặc tiền phạt chậm nộp nhằm tháo gỡ khó khăn về tài chính cho những doanh nghiệp có phát sinh nợ thuế do gặp nguyên nhân bất khả kháng.

- **Ba là**, xử lý nợ tiền thuế, tiền phạt, tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp tồn tại lâu năm không còn khả năng thu ngân sách do người nộp thuế thực tế đã phá sản nhưng không thực hiện các thủ tục phá sản theo quy định pháp luật, người nộp thuế đã chấm dứt kinh doanh.

- **Bốn là**, các văn bản hướng dẫn Luật quản lý thuế chưa có quy định xóa nợ khoản tiền thuê đất nộp hàng năm việc xóa nợ đối với tiền thuê đất được thực hiện theo quy định tại Luật Đất đai, tuy nhiên theo quy định của Luật Đất đai và văn bản hướng dẫn thì không có quy định xóa nợ tiền thuê đất, tiền sử dụng đất. Do đó, hiện nay tồn tại nhiều trường hợp DN bị phá sản đã xóa các khoản nợ thuế theo Luật Quản lý thuế, tuy nhiên khoản nợ tiền thuê đất không thuộc đối tượng xóa nợ vẫn đang còn tồn tại.

Từ những lý do nêu trên, Chính phủ thấy cần thiết phải trình Quốc hội ban hành Nghị quyết về xử lý nợ đọng thuế không còn khả năng nộp ngân sách.

II. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT:

1. Không tính tiền chậm nộp thuế đối với số tiền thuế nợ và các khoản thu khác phải nộp ngân sách nhà nước (bao gồm cả khoản thu tiền thuê đất, tiền sử dụng đất) trong các trường hợp sau đây:

- Chủ doanh nghiệp tư nhân, chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân làm chủ sở hữu và người nộp thuế là cá nhân đã chết hoặc được pháp luật coi là đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự mà không còn tài sản để nộp tiền thuế, tiền phạt.

Thời gian không tính tiền chậm nộp kể từ ngày người nộp thuế được cấp giấy chứng tử hoặc giấy báo tử hoặc các giấy tờ thay cho giấy báo tử theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền tuyên bố một người là đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

- Người nộp thuế có quyết định giải thể gửi cơ quan quản lý thuế, cơ quan

đăng ký kinh doanh để làm thủ tục giải thể, cơ quan đăng ký kinh doanh đã thông báo người nộp thuế đang làm thủ tục giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp nhưng người nộp thuế chưa hoàn thành được thủ tục giải thể.

Thời gian không tính tiền chậm nộp kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh có thông báo về việc người nộp thuế đang làm thủ tục giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Người nộp thuế đã nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản hoặc bị người có quyền, nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.

Thời gian không tính tiền chậm nộp kể từ ngày tòa án có thẩm quyền thông báo thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản nhưng đang trong thời gian làm các thủ tục thanh toán, xử lý nợ theo quy định của Luật phá sản.

- Người nộp thuế không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan quản lý thuế đã phối hợp với UBND xã, phường, thị trấn hoặc Hội đồng tư vấn thuế phường, xã hoặc cơ quan Công an trên địa bàn nơi đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký địa chỉ liên lạc của người nộp thuế kiểm tra, xác minh thông tin người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký kinh doanh, địa chỉ liên lạc đã đăng ký với cơ quan quản lý thuế.

Thời gian không tính tiền chậm nộp kể từ ngày cơ quan thuế có văn bản thông báo người nộp thuế không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp, tổ chức và có biên bản xác minh người nộp thuế không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh đối với cá nhân kinh doanh.

- Người nộp thuế đã bị cơ quan quản lý thuế có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc đã bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; Giấy phép thành lập và hoạt động.

Thời gian không tính tiền chậm nộp kể từ ngày cơ quan quản lý thuế có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; hoặc từ ngày có hiệu lực của quyết định thu hồi giấy Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan quản lý thuế tiếp tục theo dõi tiền thuế nợ, thực hiện kiểm tra, rà soát các trường hợp được không tính tiền chậm nộp nêu trên và phối hợp với cơ quan đăng ký kinh doanh, tòa án, chính quyền địa phương và các cơ quan, tổ chức có liên quan để kịp thời thu hồi tiền thuế nợ, tiền phạt, tiền phạt chậm nộp và tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước khi người nộp thuế có khả năng nộp thuế.

2. Xóa nợ tiền chậm nộp hoặc tiền phạt chậm nộp còn nợ của người nộp thuế trong các trường hợp sau:

- Xóa nợ tiền chậm nộp hoặc tiền phạt chậm nộp còn nợ đến trước ngày 01/01/2019 và không tính tiền chậm nộp phát sinh kể từ ngày 01/01/2019 đến ngày Luật Quản lý thuế (sửa đổi) có hiệu lực thi hành của người nộp thuế gặp thiên tai, hoả hoạn, tai nạn bất ngờ, bị bệnh hiểm nghèo hoặc trường hợp bất khả kháng khác.

Số tiền chậm nộp hoặc tiền phạt chậm nộp được xóa đối với trường hợp người

nộp thuế gặp thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ không vượt quá giá trị tài sản, hàng hoá bị thiệt hại sau khi trừ các khoản được bồi thường, bảo hiểm (nếu có). Đối với trường hợp bị bệnh hiểm nghèo, số tiền chậm nộp hoặc tiền phạt chậm nộp được xóa không vượt quá chi phí khám, chữa bệnh. Đối với các trường hợp bất khả kháng khác, số tiền chậm nộp, tiền phạt chậm nộp được xóa không vượt quá thiệt hại vật chất do nguyên nhân bất khả kháng gây ra.

- Người nộp thuế cung ứng hàng hoá, dịch vụ được thanh toán trực tiếp bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước nhưng chưa được thanh toán nên không nộp thuế đúng thời hạn dẫn đến nợ thuế thì được xóa nợ tiền chậm nộp hoặc tiền phạt chậm nộp phát sinh trong khoảng thời gian ngân sách nhà nước chậm thanh toán. Số tiền chậm nộp hoặc tiền phạt chậm nộp được xóa phát sinh trước thời điểm Luật Quản lý thuế số 71/2014/QH13 có hiệu lực thi hành đến nay còn nợ và không vượt quá số tiền ngân sách nhà nước chậm thanh toán cho người nộp thuế.

3. Xóa nợ tiền thuế, tiền phạt, tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp phát sinh trước ngày 01/01/2019 cho người nộp thuế trong các trường hợp sau:

- Doanh nghiệp, tổ chức đã ngừng sản xuất, kinh doanh nhưng không hoàn thành được thủ tục phá sản, giải thể theo quy định của pháp luật và cơ quan quản lý thuế chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức có liên quan kiểm tra, xác minh người nộp thuế không còn tiền trên các tài khoản mở tại ngân hàng, không còn tài sản tại địa điểm đăng ký kinh doanh, không có dấu hiệu tẩu tán tài sản trước thời điểm giải thể, phá sản.

- Doanh nghiệp, tổ chức không còn sản xuất kinh doanh tại địa chỉ đăng ký kinh doanh với cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan quản lý thuế chủ trì, phối hợp với UBND xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan Công an trên địa bàn nơi có trụ sở kinh doanh, địa chỉ liên lạc của người nộp thuế kiểm tra, xác minh thông tin người nộp thuế hoặc đại diện theo pháp luật của người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký kinh doanh, địa chỉ liên lạc đã đăng ký với cơ quan quản lý thuế và đã có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan có thẩm quyền đã thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

- Hộ gia đình, cá nhân kinh doanh gặp khó khăn, đã ngừng kinh doanh, không thanh toán được số tiền thuế nợ và cơ quan thuế chủ trì, phối hợp với cơ quan đăng ký kinh doanh, UBND xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan Công an trên địa bàn nơi có địa chỉ đăng ký kinh doanh, kiểm tra, xác minh thông tin và thông báo hộ gia đình, cá nhân kinh doanh không còn hoạt động sản xuất kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan có thẩm quyền đã thực hiện thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

4. Thẩm quyền xóa nợ tiền thuế, tiền phạt, tiền phạt chậm nộp hoặc tiền chậm nộp

- Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định xóa nợ đối với doanh nghiệp và tổ chức nợ tiền thuế, tiền phạt, tiền phạt chậm nộp và tiền chậm nộp từ năm (05) tỷ đồng trở lên; Trường hợp đặc biệt, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét trước khi quyết định việc xóa nợ.

- Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết

định xoá nợ đối với đối với doanh nghiệp và tổ chức nợ tiền thuế, tiền phạt, tiền phạt chậm nộp và tiền chậm nộp từ một (01) tỷ đồng đến dưới năm (05) tỷ đồng.

- Cục trưởng Cục Thuế, Cục trưởng cục Hải quan xoá nợ đối với doanh nghiệp và tổ chức nợ tiền thuế, tiền phạt, tiền phạt chậm nộp và tiền chậm nộp dưới một (01) tỷ đồng.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định xoá nợ tiền thuế và các khoản thu khác phải nộp ngân sách nhà nước đối với hộ gia đình, cá nhân.

5. Về Điều khoản thi hành

- Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2019 và được thực hiện trong thời hạn 05 năm kể từ ngày có hiệu lực thi hành.

- Chính phủ chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Quốc hội kết quả xử lý hàng năm khi trình Quốc hội phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước.

- Chính quyền địa phương các cấp có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan có liên quan tại địa phương phối hợp với cơ quan quản lý thuế trong việc tổ chức thực hiện kiểm tra, xác minh tình hình thực tế của người nộp thuế và lập hồ sơ xử lý nợ tiền thuế, tiền phạt, tiền phạt chậm nộp và tiền chậm nộp không còn khả năng nộp ngân sách nhà nước.

Trên đây là Báo cáo Nghị quyết của Quốc hội về xử lý nợ đọng thuế không còn khả năng nộp ngân sách nhà nước. Kính trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, cho ý kiến./.